

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ TÂY NINH
TỈNH TÂY NINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 58 /2018/HNGĐ - ST

Ngày: 28-6-2018

V/v: “ *Tranh chấp HN&GD*”.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ TÂY NINH

- *Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:*

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thanh Minh Châu

Các Hội thẩm nhân dân :

1. Bà Lê Thị Một
2. Bà Nguyễn Thị Liễu

- *Thư ký phiên tòa:* Ông Đỗ Ngọc Vinh, Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Tây Ninh, tỉnh Tây Ninh.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Tây Ninh tham gia phiên tòa:* Bà Dương Thị Tiểu Phương, Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 6 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Tây Ninh, tỉnh Tây Ninh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 232/2018/TLST-HNGĐ ngày 20 tháng 4 năm 2018 về việc “ Tranh chấp hôn nhân và gia đình” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 49/2018/QĐXX-ST ngày 09/5/2018 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Lê Thị Tú T, sinh năm 1976;

Địa chỉ: ấp T, xã T, thành phố Tây Ninh, tỉnh Tây Ninh; nghề nghiệp: Thợ may; Có mặt.

2. Bị đơn: Ông Huỳnh Thanh H, sinh năm 1975; địa chỉ: ấp T, xã T, thành phố Tây Ninh, tỉnh Tây Ninh; Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 20/4/2018; quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa nguyên đơn – bà Lê Thị Tú T trình bày: Bà và bị đơn có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Thạnh Tân, thành phố Tây Ninh vào năm 2017.

Quá trình chung sống, bị đơn ghen tuông vô cớ, không cho bà quan hệ với bè bạn, thường xuyên ăn nhậu về đánh đập, có những lời lẽ xúc phạm danh dự của bà; những lần đánh gây thương tích nặng bà trình báo chính quyền địa phương biết; bà đã nhiều lần tha thứ nhưng ông H không thay đổi. Do đó vợ chồng bà đã ly thân từ

tháng 3/2018 đến nay. Bà nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn nên có yêu cầu ly hôn.

- Về con chung: Vợ chồng bà không có con chung.
- Tài sản chung: Bà không yêu cầu Tòa án giải quyết.
- Nợ chung: Bà xác định không có.

Bị đơn - ông Huỳnh Thanh H trình bày: Ông kết hôn với nguyên đơn vào năm 2017. Nguyên đơn thường đi nhậu với bạn bè trong đó có người tình cũ và sử dụng nhiều số sim điện thoại di động để gọi cho người lạ, có đàn ông; nhiều lần ông đã trực tiếp nghe điện thoại do đàn ông gọi đến; đôi khi nguyên đơn không cho ông nghe điện thoại gọi đến, từ đó ông ghen và có đánh nguyên đơn hai lần. Ông biết có lỗi những việc ông đã làm và mong nguyên đơn tha thứ; ông không đồng ý ly hôn.

- Về con chung: Vợ chồng ông không có con chung.
- Tài sản chung: Ông và bà không yêu cầu Tòa án giải quyết.
- Nợ chung: Ông xác định không có.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Tây Ninh, tỉnh Tây Ninh:

+ Về tố tụng: Thẩm phán thụ lý, thu thập chứng cứ, chuẩn bị xét xử và quyết định đưa vụ án ra xét xử đều đảm bảo đúng quy định về thời hạn, nội dung, thẩm quyền của Bộ luật Tố tụng dân sự; Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa thực hiện đúng trình tự, thủ tục đối với phiên tòa dân sự. Người tham gia tố tụng đều thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình, chấp hành tốt Nội quy phiên tòa.

+ Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Đương sự phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa, căn cứ kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát, xét thấy:

[1] Về thẩm quyền: Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn với bị đơn; theo quy định tại Khoản 1, Điều 35; Điểm a, Khoản 1, Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Tây Ninh, tỉnh Tây Ninh.

[2] Về tố tụng: Bị đơn vắng mặt nhưng Tòa án đã tiến hành đúng và đầy đủ thủ tục để đảm bảo cho việc xét xử vắng mặt theo quy định tại Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Nguyên đơn và bị đơn có đăng ký kết hôn vào năm 2017 theo quy định của pháp luật là hôn nhân hợp pháp. Nguyên đơn trình bày mâu thuẫn vợ chồng do bị ghen tuông vô cớ, bị đánh và bị xúc phạm danh dự nên vợ chồng đã ly thân từ tháng 3/2018 đến nay, nguyên đơn không còn tình cảm vợ chồng nên có yêu cầu được ly hôn.

Tuy nhiên bị đơn không đồng ý ly hôn; nhưng vợ chồng đã ly thân từ tháng 3/2018 đến nay tình cảm vợ chồng chưa hàn gắn được; bị đơn không có biện pháp để hàn gắn; do đó mục đích hôn nhân không đạt được nên chấp nhận yêu cầu ly hôn của nguyên đơn là phù hợp.

[4] Về con chung: không có.

[5] Về tài sản chung: Nguyên đơn và bị đơn xác định không yêu cầu giải quyết; Nợ chung xác định không có.

[6] Đối với đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Tây Ninh là chấp nhận yêu cầu ly hôn của nguyên đơn; Hội đồng xét xử xét thấy đề nghị là phù hợp nên chấp nhận.

[7] Về án phí:

+ Án phí hôn nhân sơ thẩm: Theo quy định tại Khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết 326 về Án phí và lệ phí Tòa án thì nguyên đơn phải chịu số tiền 300.000 đồng.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014; Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về Án phí, lệ phí Tòa án.

1. Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà Lê Thị Tú T đối với ông Huỳnh Thanh H; cho ly hôn mối quan hệ vợ chồng giữa bà T và ông H.

2. Về tài sản chung: Không có yêu cầu; Nợ chung: không có.

3. Về con chung: Không có.

4. Về án phí: Án phí hôn nhân sơ thẩm: Bà Lê Thị Tú T phải chịu số tiền 300.000 (ba trăm ngàn) đồng; được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí sơ thẩm đã nộp 300.000 đồng theo Biên lai số: 0005381 ngày 20/4/2018 của Chi cục thi hành án Dân sự thành phố Tây Ninh, tỉnh Tây Ninh.

5. Án xử sơ thẩm công khai báo cho các bên đương sự biết có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Người vắng mặt thời hạn kháng cáo kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết tại địa phương nơi cư trú.

* Nơi nhận:

- VKSND TPTN;
- Chi cục THA TPTN;
- Phòng KTNV.TAND TTN;
- Các đương sự, lưu hồ sơ
- Lưu tập án.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)

Nguyễn Thanh Minh Châu

CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN

**THẨM PHÁN
CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Văn Mừng Huỳnh Thị Ngọc Thu Nguyễn Thanh Minh Châu

*** Công ty Đô thị khởi kiện đòi ông Vũ trả tiền còn nợ của 03 hợp đồng như sau:**

1. Hợp đồng số 28 lập ngày 21/8/2008 giữa Công ty và ông Vũ thực hiện công trình . .

- Giá trị giữa Công ty và Chủ đầu tư (Bộ đội Biên phòng) tạm tính 7.180.656.000 đồng
- Giá trị tạm tính giữa Công ty và ông Vũ: 6.166.000.000 đồng.
- Từ ngày 27/8/2011 đến 30/8/2011 ông Vũ tạm thanh toán 6.001.652.000 đồng
- Theo Hợp đồng là căn cứ vào Quyết định số 04 và 14 thì giá trị thanh lý phải là giá trị được UBND tỉnh phê duyệt.
- Ngày 05/8/2011 Công ty ĐT và ông Vũ lập bản giá trị thanh lý cho đội (ông Vũ)
- Ngày 16/8/2011 Công ty ĐT và ông Vũ lập bản thanh lý hợp đồng B – B'(ông Vũ)
- Nhưng mãi đến ngày 20/3/2015 hợp đồng này được UBND tỉnh phê duyệt số tiền 6.659.000.000 đồng.

- Sau khi có phê duyệt, Công ty lập bảng điều chỉnh giá trị thanh lý cho rằng giá trị bị cắt giảm do đó tỷ lệ cắt giảm cho hợp đồng với ông Vũ giảm theo còn 92,74%= 5.718.272.000 đồng nhưng ông Vũ không đến Công ty để điều chỉnh.

Như vậy ông Vũ phải thanh toán lại $6.000.000 \text{ đồng} - 5.700.000.000 = 300.000.000$ đồng.

2. Hợp đồng số 01 lập ngày 09/01/2009.

- Giá trị giữa Công ty và Chủ đầu tư (Bộ đội Biên phòng) tạm tính 18.500.000 đồng
- Giá trị tạm tính giữa Công ty và ông Vũ: 16.500.000 đồng.
- Từ ngày 27/8/2011 đến 30/8/2011 ông Vũ tạm thanh toán 16.500.000 đồng
- Theo Hợp đồng là căn cứ vào Quyết định số 04 và 14 thì giá trị thanh lý phải là giá trị được UBND tỉnh phê duyệt.
- Ngày 24/11/2011 Công ty ĐT và ông Vũ lập bản giá trị thanh lý cho đội (ông Vũ)
- Ngày 04/11/2011 Công ty ĐT và ông Vũ lập bản thanh lý hợp đồng B – B'(ông Vũ)
- Nhưng mãi đến ngày 07/9/2012 hợp đồng này được UBND tỉnh phê duyệt số tiền 17.600.000 đồng.

- Sau khi có phê duyệt, Công ty lập bảng điều chỉnh giá trị thanh lý cho rằng giá trị bị cắt giảm do đó tỷ lệ cắt giảm cho hợp đồng với ông Vũ giảm theo còn 95%= 15.847.000 đồng nhưng ông Vũ không đến Công ty để điều chỉnh.

Như vậy ông Vũ phải trả lại số tiền

3. Hợp đồng số 70 lập ngày 21/12/2009

- Giá trị giữa Công ty và Chủ đầu tư (Bộ đội Biên phòng) tạm tính 6.659.000.000 đồng

- Giá trị tạm tính giữa Công ty và ông Vũ: 16.500.000 đồng.

- Từ ngày 27/8/2011 đến 30/8/2011 ông Vũ tạm thanh toán 4.097.000.000 đồng

- Theo Hợp đồng là căn cứ vào Quyết định số 04 và 14 thì giá trị thanh lý phải là giá trị được UBND tỉnh phê duyệt.

- Ngày 08/8/2011 Công ty ĐT và ông Vũ lập bản giá trị thanh lý cho đội (ông Vũ)

- Ngày 16/8/2011 Công ty ĐT và ông Vũ lập bản thanh lý hợp đồng B – B' (ông Vũ)

- Nhưng mãi đến ngày 20/3/2015 hợp đồng này được UBND tỉnh phê duyệt số tiền 6.660.000.000 đồng.

- Sau khi có phê duyệt, Công ty lập bảng điều chỉnh giá trị thanh lý cho rằng giá trị bị cắt giảm do đó tỷ lệ cắt giảm cho hợp đồng với ông Vũ giảm theo còn 99,40% = 5.602.018.000 đồng nhưng ông Vũ không đến Công ty để điều chỉnh.

DANH SÁCH CHI TIỀN ĐO ĐẠC

Ngày 13/6/2017 vụ án tranh chấp đòi tài sản quyền sử dụng đất

Nguyên đơn bà Trần Thị Kim Lan

STT	HỌ VÀ TÊN	TÊN ĐƠN VI	SỐ TIỀN	KÝ NHẬN
01		Phòng TN&MT	150.000 đồng	
02		Phòng QLĐT	150.000 đồng	
		Phòng Tài chính	150.000 đồng	
		Ủy ban nhân dân p3	150.000 đồng	
			600.000 đồng	